

Bản án số: **19/2023/HS-ST**

Ngày: 02/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh – Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 197/2022/HSST, ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**; Giới tính: Nữ; sinh ngày: 12.5.1997, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: khu phố 14, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Tiền án: không;

Tiền sự: 02 tiền sự

-Tại Quyết định số 92/QĐ-UBND, ngày 03.3.2021 của chủ tịch UBND thị trấn L ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng đối với Nguyễn Thị L về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy kể từ ngày 03.3.2021 đến ngày 03.6.2021. (*chưa được xóa tiền sự*).

-Tại Quyết định số 104/QĐ-TA, ngày 17.8.2021 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng đối với Nguyễn Thị L. (*chưa được xóa tiền sự*).

Quan hệ gia đình:

Cha: Nguyễn Văn C; sinh năm 1972, mẹ: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1974, hiện cư trú tại khu phố 14, thị trấn L, huyện P; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999; Chồng: Nguyễn Thanh T; sinh năm

1996 (không đăng ký kết hôn); Con: 01 người, sinh năm 2017; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 09.11.2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua tin báo của quần chúng nhân dân tại nơi ở của Nguyễn Thị L thuộc khu phố 14, thị trấn L, huyện P thường xuyên có đối tượng tụ tập biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội về ma túy. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10.4.2022, tổ công tác Công an huyện P phối hợp Công an thị trấn L và lực lượng dân phòng thị trấn L tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Thị L thuộc khu phố 14, thị trấn L, huyện P phát hiện Trần T1 sinh năm 1993, cư trú tại khu phố 01, thị trấn L có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và Nguyễn Thị L sinh năm 1997 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ nơi L và T1 ngòai 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, bên trong nỏ thủy tinh không có gì; 10 gói nylon không màu được hàn kín hờ 01 đầu, kích thước giống nhau khoảng (01 x 03)cm, bên trong không có gì; 01 nỏ thủy tinh bên trong không có gì; 01 dao lam đã qua sử dụng. Nguyễn Thị L tự nguyện lấy trong túi quần bên phải L đang mặc ra giao nộp cho lực lượng công an 02 gói nylon không màu được hàn kín, kích thước giống nhau khoảng (01cm x 3,5)cm (*niêm phong ký hiệu M1*), bên trong 02 gói nylon có chứa chất tinh thể màu trắng và L khai nhận đó là ma túy đá của L cất giấu mục đích sử dụng và bán lại cho người nghiện với mục đích kiếm lời. Số tiền 595.000 đồng, trong tiền này L khai nhận có 300.000 đồng từ việc bán 02 gói ma túy đá cho T1 sử dụng. Sau đó, Nguyễn Thị L tự nguyện chỉ chỗ cho Công an thu giữ trong góc phòng ngủ của L 01 gói nylon không màu được hàn kín có nẹp khóa 01 đầu màu đỏ, kích thước khoảng (04x7,5)cm (*niêm phong ký hiệu M2*), bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng và L khai nhận là ma túy đá của L cất giấu mục đích sử dụng và bán lại cho người nghiện, 01 kéo kim loại dài 11cm. Ngoài ra không thu giữ gì khác. Do điều kiện khách quan nên tổ công tác đưa Nguyễn Thị L và Trần T1 cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 373/KL-KTHS ngày 18.4.2022 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

-Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 0,3139 gam; là Methamphetamine.

-Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 8,3891 gam. Không tìm thấy các chất có trong danh mục chất ma túy và tiền chất được ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15.5.2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29.5.2020 của Chính phủ.

Hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định:

- 02 gói nylon không màu, đều được hàn kín, mỗi gói kích thước khoảng (01x3,5)cm, đều đã cắt lấy mẫu; 0,2047 gam mẫu M1 còn lại sau giám định. Được

niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong phong mẫu sau giám định số 373/1.

- 01 gói nylon không màu, được hàn kín, một đầu nẹp khóa màu đỏ, kích thước khoảng (4x7,5cm); 1,5572 gam mẫu M2 còn lại sau giám định: Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong mẫu sau giám định số 373/2.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 711/KL-VPYTW ngày 08.11.2022 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa – Bộ y tế kết luận:

Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích (F 15.7.1 – ICD.10)

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ *Tại thời điểm gây án:* Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ *Hiện nay:* Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 10/CT-VKSTP-HS ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 50, 54 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên phạt bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về Mua bán trái phép chất ma túy

Áp dụng: khoản 1 Điều 256; Điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 50, 54, 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 02 tội từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Đối với Trần T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện P đã có công văn số 239/CQĐT đề nghị Công an thị trấn L xử lý vi phạm hành chính đối với T1.

Riêng đối với Trần Quốc Kỳ không thừa nhận đã cho Nguyễn Thị L 04 gói ma túy và không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không xem xét, xử lý đối với Kỳ.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Về tang vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy:

-02 gói nylon không màu, đều được hàn kín, mỗi gói kích thước khoảng (01x3,5)cm, đều đã cắt lấy mẫu; 0,2047 gam mẫu M1 còn lại sau giám định. Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong phong mẫu sau giám định số 373/1;

-01 gói nylon không màu, được hàn kín, một đầu nẹp khóa màu đỏ, kích thước khoảng (4x7,5cm); 1,5572 gam mẫu M2 còn lại sau giám định: Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong mẫu sau giám định số 373/2;

-01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 10 gói nylon không màu được hàn kín hờ một đầu, bên trong không có gì; 01 nỏ thủy tinh, 01 dao lam; 01 kéo kim loại dài 11cm

Đối với số tiền 595.000 đồng thu giữ của bị cáo trong có 300.000đ tiền thu lợi từ việc bán ma túy nên tịch thu sung quỹ nhà nước; Trả lại cho bị cáo 295.000đ nhưng phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho biện thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và việc sử dụng trái phép chất ma túy như nội dung bản Cáo trạng số 10/CT-VKSTP- HS, ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố. Cụ thể bị cáo khai nhận: Do bị cáo có mối quan hệ tình cảm, chung sống như vợ chồng với Trần Quốc Kỳ sinh năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, vào chiều ngày 10.4.2022, Kỳ cho bị cáo 04 gói ma túy đá. Bị cáo cất giấu số ma túy mục đích để mua bán và sử dụng tại nhà của bị

cáo thuộc khu phố 14, thị trấn L, huyện P. Bị cáo đã bán ma túy cho Trần T1 02 lần, cụ thể:

Lần 1: khoảng 21 giờ ngày 10.4.2022, bị cáo đang ở nhà một mình thì Trần T1 đi đến nhà bị cáo tại khu phố 14, thị trấn L, huyện P để mua ma túy. T1 đưa cho bị cáo 150.000 đồng mua ma túy sử dụng thì bị cáo đồng ý. Bị cáo lấy tiền từ T1 sau đó đi vào phòng của bị cáo, T1 cùng đi theo bị cáo. Bị cáo bán cho T1 01 gói ma túy đá giá 150.000 đồng. Sau khi mua ma túy thì T1 lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tại nhà bị cáo, bên trong còn một ít ma túy sau đó bị cáo và T1 cùng nhau sử dụng chung. T1 và bị cáo sử dụng hết số ma túy còn lại trong nỏ thì T1 lấy gói ma túy vừa mua của bị cáo ra để sử dụng. bị cáo và T1 cùng sử dụng hết số ma túy đó.

Lần 2: Sau khi sử dụng hết gói ma túy, tiếp tục T1 hỏi mua của bị cáo thêm 01 gói ma túy đá giá 150.000 đồng thì bị cáo đồng ý. Bị cáo đi vào phòng lấy ra đưa cho T1 01 gói ma túy đá. T1 cắt và đổ gói ma túy vừa mua được vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để sử dụng một mình. Khi T1 vừa sử dụng hết số ma túy đá trong nỏ thủy tinh thì lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện thu giữ tang vật chứng.

Riêng 01 gói ma túy L tự nguyện giao nộp tại gốc phòng, bị cáo không nhớ ai đã cho bị cáo trước đó và bị cáo cất giấu mục đích để sử dụng và bán lại khi có nhu cầu.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng Trần T1, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, biên bản thu giữ các tang vật chứng và kết quả giám định chất ma túy, đủ chứng cứ xác định bị cáo đã 02 lần bán 02 gói ma túy đá cho Trần Ty thu lợi 300.000 đồng và cho Trần T1 nhờ chỗ ở hợp pháp của bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đang cất giấu 02 gói ma túy có tổng khối lượng 0,3139 gam để sử dụng và bán cho người nghiện thì bị phát hiện thu giữ.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, xảy ra vào khoảng 21 giờ cùng ngày 10.4.2022, tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị L thuộc khu phố 14, thị trấn L, huyện P. Bị cáo đã 02 lần bán 02 gói ma túy cho Trần T1 thu lợi số tiền 300.000 đồng, đồng thời Bị cáo cho T1 mượn chỗ ở hợp pháp của bị cáo để sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo đang tàng trữ 02 tép ma túy có khối lượng 0,3139 gam; là Methamphetamine mục đích để sử dụng và bán cho người nghiện kiểm lời thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật chứng như đã phân tích trên.

Vì vậy, Cáo trạng số 10/CT-VKSTP-HS ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi tàng trữ, chứa chấp, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, gây nguy hiểm cho xã hội; bị cáo ý thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý mua ma túy về tàng trữ, chứa chấp để con nghiện sử dụng và nhiều lần bán ma túy cho con nghiện nên cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017) nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt liền kề mà pháp luật quy định.

Đối với Trần T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện P đã có công văn số 239/CQĐT đề nghị Công an thị trấn L xử lý vi phạm hành chính đối với T1.

Riêng đối với Trần Quốc Kỳ không thừa nhận đã cho Nguyễn Thị L 04 gói ma túy và không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không xem xét, xử lý đối với Kỳ.

[5] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ mẫu vật được hoàn lại sau giám định gồm:

- 02 gói nylon không màu, đều được hàn kín, mỗi gói kích thước khoảng (01x3,5)cm, đều đã cắt lấy mẫu; 0,2047 gam mẫu M1 còn lại sau giám định. Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong phong mẫu sau giám định số 373/1;

- 01 gói nylon không màu, được hàn kín, một đầu nẹp khóa màu đỏ, kích thước khoảng (4x7,5cm); 1,5572 gam mẫu M2 còn lại sau giám định: Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong mẫu sau giám định số 373/2;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 10 gói nylon không màu được hàn kín hờ một đầu, bên trong không có gì; 01 nỏ thủy tinh, 01 dao lam; 01 kéo kim loại dài 11cm

Trên đây là các vật cấm, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 595.000 đồng thu giữ của bị cáo trong có 300.000đ tiền thu lợi từ việc bán ma túy nên tịch thu sung quỹ nhà nước; Trả lại cho bị cáo 295.000đ nhưng phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện P:

Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội

danh, về áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 50, 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên phạt bị cáo: **06** (sáu) năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy

Áp dụng: khoản 1 Điều 256; Điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 50, 54, 55 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên phạt bị cáo: **01** (một) năm tù về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị L** phải chấp hành 02 tội: **07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 09/11/2022)

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 gói nylon không màu, đều được hàn kín, mỗi gói kích thước khoảng (01x3,5)cm, đều đã cắt lấy mẫu; 0,2047 gam mẫu M1 còn lại sau giám định. Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong phong mẫu sau giám định số 373/1;

- 01 gói nylon không màu, được hàn kín, một đầu nẹp khóa màu đỏ, kích thước khoảng (4x7,5cm); 1,5572 gam mẫu M2 còn lại sau giám định: Được niêm phong trong phong bì dán giấy niêm phong mẫu sau giám định số 373/2;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 10 gói nylon không màu được hàn kín hờ một đầu, bên trong không có gì; 01 nỏ thủy tinh, 01 dao lam; 01 kéo kim loại dài 11cm.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2022 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) trong số tiền 595.000đ (năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo; Trả lại cho bị cáo **295.000đ** (hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001572 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhưng phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp **200.000** đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện P;
- Bị cáo
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy